TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CT** **TỈNH KIÊN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **41**/2019/HNGĐ-ST*
Ngày: 14/10/2019
V/v:"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: Bà **Huỳnh Ánh Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Nhâm Đức Hùng**

2. Ông: **Hà Ứng Cương**

- Thư ký Phiên toà: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị P**, sinh năm 1991.

HKTT: ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: Ấp T2, Thị trấn T3, huyện AB, tỉnh Kiên Giang

Chị P có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Anh **Phạm Công H**, sinh năm 1990

HKTT: ấp HN, xã MTA, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị P trình bày:

Chị Thị P và anh Phạm Công H quen biết tự nguyện chung sống với nhau và tiến tới hôn nhân, việc chung sống do chị P và anh H tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MTA, huyện CT, Kiên Giang và được UBND xã MTA cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 32/2014 quyển số 01/2014 ngày 05 tháng 05 năm 2014. Trong quá trình chung sống chị P và anh H có một người con chung là cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 02/11/2011, chị P và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung.

Trong thời gian chung sống chị P và anh H thường nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì chị P và anh H không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị P và anh H đã cố gắng dàn xếp để chung sống cùng nhau để lo cho con nhưng đến nay vẫn không dung hòa với nhau được. Vì vậy vợ chồng chị P và anh H tôi đã sống ly thân với nhau thời gian gần 06 tháng nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P khởi kiện và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Công H.

Về con chung: Chị P đồng ý giao con chung là cháu Phạm Đăng K, sinh năm 02/11/2011 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu K trưởng thành và chị P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị P cam kết trong quá trình chung sống chị P và anh H không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị P, anh H nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Công H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 13/09/2019 anh H trình bày: Chị Thị P trình bày về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay chị P khởi kiện xin ly hôn thì anh có ý kiến sau:

Về hôn nhân: Anh H đồng ý ly hôn với chị Thị P.

Về con chung: Anh H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng người con chung là cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 02/11/2011, không yêu cầu chị Thị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H cam kết trong quá trình chung sống anh H và chị Thị P không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Công H có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị P và anh Phạm Công H đều khai vào năm 2014 anh chị tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTA, huyện CT, Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32/2014 quyển số 01/2014, ngày 05 tháng 05 năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H là hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Thị P yêu cầu xin được ly hôn với anh Phạm Công H. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị P và anh H đều xác nhận anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, nhưng thời gian gần đây chị P và anh H thường nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng chị P, anh H đã cố gắng dàn xếp để chung sống cùng nhau để lo cho con nhưng đến nay vẫn không dung hòa với nhau được. Từ đó vợ chồng không còn tình cảm nên chị P yêu cầu xin được ly hôn với anh H, mặc khác tại bản tự khai ngày 13/09/2019 bị đơn anh Phạm Công H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Thị P. Từ những cơ sở trên cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị P là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Thị P và anh Phạm Công H đều xác nhận, trong thời gian chung sống giữa anh chị có một người con chung là cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 02/11/2011. Anh H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Đăng K, chị P đồng ý giao con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu K trưởng thành. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận này của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với pháp luật.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án đã giải thích cho anh Phạm Công H về quyền yêu cầu chị Thị P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng anh H xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Căn cứ vào lời khai của chị Thị P và anh Phạm Công H trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của chị P tại phiên tòa đều xác nhận

trong quá trình chung sống anh chị không có tạo lập tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị P xác nhận anh chị không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị P là nguyên đơn do đó phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị P và anh Phạm Công H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 02/11/2011 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị P và anh H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị P và anh H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị P phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị P được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005188 ngày 06/09/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

6. Chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Ánh Tuyết